

## CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG THƠ TRẺ VIỆT NAM 1965 – 1975 VỚI NHỮNG ƯU TƯ ĐỜI THƯỜNG

THE LYRICAL EGO IN VIETNAM YOUTH POETRY IN THE PERIOD  
1965-1975 WITH WORKADAY CONCERNS

**Bùi Bích Hạnh**

*Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng*

### TÓM TẮT

Thơ trẻ 1965 -1975 là sự trải nghiệm hiện thực chiến tranh với những mảng sự thật khốc liệt của chiến trường; là cái nhìn về mất mát, buồn đau của dân tộc và còn là nỗi ưu tư về những câu chuyện đời thường. Trải qua chiến tranh, các nhà thơ trẻ mang vào sáng tác của mình những sự kiện, chi tiết rất nhỏ của đời sống. Nhưng chính những điều tưởng vụn vặt, nhỏ bé ấy lại nằm sâu trong sự thật chiến tranh, trong hoàn cảnh đất nước và số phận con người những năm khói lửa. Độc giả hẳn tìm thấy đằng sau tình yêu nước sâu nặng của thơ trẻ thời chiến còn hẳn sâu giai điệu xúc cảm đời thường. Tất cả tạo thành vùng thi liệu ám ảnh, tác động đến sự thể hiện cái tôi trữ tình trong thơ trẻ giai đoạn này.

### ABSTRACT

The youth poetry 1965 - 1975 depicts the experience of Wars' reality with many violent facts of the battlefields. It is a deep insight into the loss and sorrow of the country and the concerns about workaday stories as well. With their experiences in wars, young poets have brought into their works many detailed events of lives. However, those detailed events which seem to be trivial themselves are deeply manifested in the reality of wars and in the situations of the country and human fates during many years of wars. Readers completely find not only deep-rooted patriotism but also emotional melodies of daily life in wartime youth poetry. All of them have created obsessional materials of poetry which influence the expression of lyrical ego in youth poetry during this period

### 1. Đặt vấn đề

Thơ trẻ 1965 - 1975 là sự trải nghiệm hiện thực chiến tranh với những mảng sự thật khốc liệt của chiến trường; là cái nhìn về mất mát, buồn đau của dân tộc và còn là nỗi ưu tư về những câu chuyện đời thường. Đằng sau *những tráng ca thuở trước là những người mẹ không bao giờ về nữa, những tuổi thơ không có tuổi thơ; là bà điên ngoài chợ sắt, là em gái mười lăm đã không còn thiếu nữ; là một cuộc đời thâm lặng, một bước nhớ lang thang; là câu chuyện về một lối mòn sỏi đá, là lời ru thuở bé...* Tất cả tạo thành vùng thi liệu ám ảnh, tác động đến sự thể hiện cái tôi trữ tình trong thơ trẻ giai đoạn này.

### 2. Giải quyết vấn đề

*“Khẩu súng và cây bút. Viên đạn và con chữ. Thuốc nổ và máu. Mảnh đất ầm ào tiếng bom, tiếng súng và trang giấy trắng. Màu áo lính và màu áo thi ca. Có cái gì đó*

*tưởng như rất trái ngược nhưng lại rất đồng nhất”* [1,4]. Bi kịch trong thơ chống Mỹ không chỉ là hi sinh bằng máu xương mà còn là nỗi đau đời riêng, của từng con người cụ thể. Họ là hiện thân của khổ đau suốt đời chôn chặt. Là hậu phương ngày đêm vì tiền tuyến. Và cũng là hậu phương mòn mỏi đợi chờ.... Trải qua chiến tranh, các nhà thơ trẻ mang vào sáng tác của mình những sự kiện, chi tiết rất nhỏ của đời sống. Nhưng chính từ những điều tưởng vụn vặt, nhỏ bé ấy lại nằm sâu trong sự thật chiến tranh, trong hoàn cảnh đất nước và số phận con người những năm chống Mỹ. Con gà đất trong lời hứa của mẹ năm xưa chỉ còn là niềm mơ ước không thành. Nhân vật trữ tình chỉ còn một ước ao về con gà bốn mùa không vỡ nát, những con gà giục mùa sinh sôi. Người thổi kèn với giấc mơ vụn vỡ thức động hồn thơ Nguyễn Khoa Điềm. Bằng cái tôi nhạy cảm, nhà thơ cảm nhận tiếng kèn ý nghĩa nhất trong đời người thổi kèn giờ đây là thanh âm chân thật của cuộc sống buồn thương:

*Những tiếng kèn*

*Nấc lên giữa bốn bức tường địa ngục*

*Ngoài cửa kia những đứa em giơ tay gầy châu chực*

*Cuối tường kia rung đất tiếng bom rơi*

**(Con gà đất, cây kèn và khẩu súng)**

Góp mặt vào công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cái tôi thơ trẻ dành riêng một góc trong sáng tạo của mình cho cuộc sống đời thường. Dừng lại ở những chi tiết nhỏ của đời sống, trong họ lại dâng lên nguồn cảm xúc mới. Hiện thực chiến tranh càng chi tiết hơn, gần hơn và thật hơn. Vương Trọng nhìn thấy cuộc sống cay cực của người nông dân từ hình ảnh cụ thể giàu sức gợi: *Cọng lúa gầy xác xơ ruộng chua/ Những bông lúa gặt cùng hoa cỏ/ Hố cũ mài đất người xa quê cũ/ Thuế sưu đê xiêu vẹo dáng đi (Trong sắc lá mùa xuân)*. Cái tôi không thể làm ngơ trước nỗi đau chia cắt hằn lên khóe mắt người gặt lúa. Cái tôi thấy trong tháng năm mùa gặt ẩn giấu nỗi niềm của con người: *Mùa gặt về trên tuyến giáp ranh/ Nơi có hàng dây kẽm gai lạnh sắc/ Người gặt lúa bỗng cay tròng mắt/ Tay cắt dùm bên hàng dây kẽm gai/ Nhìn cánh đồng chia hai (Ngày mùa trên tuyến giáp ranh)*. Bằng Việt, cũng như lớp người cùng thời, dành tình yêu thương cho những cuộc đời cần lao. Với họ, đó là cuộc sống đáng trân trọng của người lao động bình thường: *Và vị mặn cần lao bỗng sộc đến trong tôi/ vị mặn của mồ hôi, bến tàu, gỉ sắt (Hương mùa thu, phố biển)*.

Những phận người lao vào tội lỗi, như nhuộm; những cái thói tha xen lẫn với cái chết; những sự thật hoen ố ngày ngày bày trên quê hương tác động mạnh mẽ đến nghĩ suy của các nhà thơ trẻ. Cảm thấy mình mang nhiều nợ nần với cuộc đời, cái tôi trữ tình trong thơ Lưu Quang Vũ nhạy cảm với bao nhiêu kiếp người bất hạnh, đúng như nguyện ước của nhà thơ lúc sinh thời, được đấu tranh cho thân phận con người nhỏ bé. Lưu Quang Vũ dừng lại trước bao nhiêu số phận đời thường cụ thể. Đó là *tuổi thơ không có tuổi thơ*, là *cô gái trở nên suông sã*. Là *cô Kiều đàn nguyệt tặng chàng Kim*, là *người họa sĩ già mắt buồn ngơ ngác*, là *xích lô làm lụi lên cầu*. Dừng ở “*Những tuổi thơ*”, chúng ta còn bắt gặp trong khóe mắt anh một nỗi buồn nhân hậu. Bên trong những

mảnh tuổi thơ nhàu nát đó là sự đảo lộn của tình người: *Em gái mười lăm đã không còn thiếu nữ/ Dưới mái tóc quấn trụi vai gầy/ Em đi đâu đêm nay/ Để lòng tôi se lại.* Con người thơ nhiều chiêm nghiệm này không lãng tránh hiện thực dù mỗi khi chạm đến nó, cái tôi quặn thắt. Chất thơ như càng đi xa dần khuynh hướng của cả nền thơ hùng hực lửa hào hùng.

Bùi Minh Quốc lại đặt bút trước hình ảnh rất nhân văn, chiếc nôi chống chệnh của trẻ thơ trong trận dội bom kinh hoàng của đế quốc Mỹ. Và đó không còn là chuyện chiếc nôi nữa mà chính là chuyện sinh mạng những em bé vô tội trong chiến tranh. Lại là hai hình ảnh đối lập giữa cái bất nhân của tiếng bom Mỹ và giấc ngủ non nớt trong veo của trẻ thơ. Dù để hình dung tội ác man rợ của kẻ thù, chúng vô tâm sát hại nhân dân ta không ngoại trừ những sinh linh bé bỏng đang còn say ngủ: *Chiếc nôi, chiếc nôi nho nhỏ/ Bom Mỹ/ Xé đôi/ Một nửa mắc cành xoan cháy đỏ/ Một nửa đất vùi/ Ôi nụ cười / Mùi sữa hoi hoi/ Với bầy chim chích/ Đâu rồi ?/ Đâu rồi ?/ Bé ơi! (Chiếc nôi).* Đến thơ trẻ chống Mỹ, số phận của người bạn tù sơ sinh có sức lay động mãnh liệt những hồn thơ. Có gì nghe như tiếng oán than của cái tôi trữ tình cho những kiếp người bé bỏng. Nhà thơ Võ Quê dựng nên một cảnh tượng khác rất nhân bản về những tuổi thơ trong ngục tù, ở đó, trái tim giàu lòng yêu nước và căm thù của người mẹ là sự hóa giải cho tình cảnh thương tâm, là sự bảo bọc cho những mầm sống lắt lay trong chốn giam cầm. Lời thơ không bi lụy mà rất cảm động: *Bé vào tù ngày chưa được nằm nôi/ Như chú chuột con đồ lòm trong tay mẹ/ Ngục tù bắt em sống đời nô lệ/ Mẹ dạy em sức mạnh của quê hương/ Bằng bài ca xé nát bức tường.*

Những hình ảnh bé thơ vô tội sắp chông chênh giữa dòng đời cuộn cuộn, không đủ cái ăn, không đủ ấm, không đủ tình thương không khỏi đánh động đến tâm hồn người nghệ sĩ:

*Những tuổi thơ trong nhà tù, trong góc chợ  
Những vành môi khát sữa, những bước nhỏ lang thang  
Những tuổi thơ héo tàn trong vòng nô lệ  
Những tuổi thơ ánh mắt rạng sao vàng*

Ngày bé chào đời đồng nghĩa với sự hụt hẫng về một cuộc sống đủ đầy. Song cái tôi trữ tình đã có hướng nhìn đầy hứa hẹn về một sự đổi đời. *Ánh mắt rạng sao vàng* là một hình ảnh thấp lên niềm tin, xóa đi mặc cảm cho những cuộc đời bất hạnh. Trong cái tôi đầy trắc ẩn đã có chỗ cho lòng tin.

“*Thế hệ chúng tôi, ngay từ những ngày còn thơ dại đã biết đến cảnh tàn cư, tiêu thổ kháng chiến; đã sống trong thiếu thốn, đói khổ, bệnh tật, ghẻ lở và sốt rét đến vàng da; đã nhìn thấy những xác người cháy trên xóm làng, những đầu người du kích bị đem cắm trên những cọc tre dựng dọc theo con đường dẫn đến chợ làng, đã nhìn thấy nhà cửa bị thiếu rụi*” [2,423]. Tiếng nói của cái tôi trong thơ trẻ miền Nam thường là tiếng nói sẻ chia với bi kịch chiến tranh. Hiện thực chiến tranh đâu chỉ có chiến trường ác liệt, đâu chỉ là lửa đạn bom rền. Đó còn là những mảnh đời trôi nổi, những âm thanh đờn đau giữa lòng đô thị. Cái tôi tự nghiệm đi sâu vào cuộc sống loạn lạc. Những vần thơ

1965 - 1975 như một sự tái hiện của cái tôi nhân chứng tỉnh táo, nhưng ẩn bên trong là cái chạnh lòng, quay quắt: Người bỏ nhà bỏ vợ tìm đất sống/ Khói lửa vây quanh sự nghiệp một đời/ Người gục ngã lên nhau trong tiếng súng/ Bên lúa vàng, hạt máu hầy còn tươi (**Lúa chết bên xác người**). Mang nặng nỗi đau Bắc Nam hai miền chia cắt, những nhà thơ trẻ miền Nam hơn ai hết thấu chịu sự tủi phận này. Họ không lạ gì thủ đoạn của đế quốc và nỗi đau thất lòng họ vẫn là hậu quả của sự cách chia: Thân phận tôi đòi, sự hụt hẫng tình cảm ruột thịt giữa hai miền. Bên cạnh đó, cái tôi trong thơ Trần Quang Long cất lên tiếng nói đồng cảm xé lòng trước những thân phận đánh mất tiết trinh trước đồng đô la bản thiêu. Kiếp người bất hạnh trong cuộc sống đời thường đã không đi ra ngoài ống kính nhân văn của đội ngũ thơ trẻ. Quả thật, họ không chỉ sống với tuyên ngôn nghệ thuật làm thơ ghi lấy cuộc đời mình mà còn làm thơ chia sẻ cuộc đời. Nỗi tủi nhục của nhân vật trữ tình cũng chính là nỗi nhục của đồng bào, của người nghệ sĩ. Không chỉ phải hứng chịu sự tàn sát đẫm máu của đế quốc về mặt thể xác mà nhân dân còn đang đứng trước nguy cơ bị hủy hoại nhân phẩm: Chúng mau lấy tiết trinh em gái ta bằng những đồng đô - la đó/ Nước mắt nào rửa tủi nhục cho em/ Thân xác ê chề, lê lét từng đêm. Có khi đó là bức tranh cộm lên những đường nét cay cực, lam lũ của con người trong cuộc mưu sinh: Anh bạn tắc xi/ Cụ xích lô đạp mướn/ Có còn những tên lính viễn chinh cười nghiêng ngả như điên/ Quyết tiền từng cuộc xe giữa trưa mồ hôi nhỏ giọt/ Này chị hàng rong quẩy gánh bún bò/ Này thím đẩy xe bánh mì giữa chợ/ Liệu có kiếm một ngày ba bữa đủ ăn (Tần Hoài Dạ Vũ, **Gửi một người bạn xưa**). Trước sự khắc nghiệt của chiến tranh, trong góc khuất những xóm nghèo là bao mảnh đời lem luốc. Bức tranh thu hẹp trong một góc nhỏ của chiến tranh là nét cọ đời thường rung rúc. Cái tôi trữ tình dường như không chấp nhận sự tương phản giữa cái rục rờ của một phần cuộc sống lợi danh với phần còn lại của cuộc đời là những trái tim không màu, những người còn thiếu áo, những xác người vấy máu (Nguyễn Đông Nhật, **Mùa đông**).

Ngòi bút của các nhà thơ trẻ miền Nam quả thật đã phơi bày những sự thật khủng khiếp thường trực trên quê hương mình, trong nỗi niềm ngượng ngập, buồn đau: *Làm thế nào để nói với em/ Về thành phố anh đang sống/ Chiến tranh, rác rưởi và mộ người/ Hàng ngày chen nhau chiếm từng khoảng đất/ Làm thế nào nói với em về những đứa học trò/ Ban ngày đến trường, ban đêm rước khách,/ Gặp thầy ở mỗi ngã ba/ Chiếm áo nữ sinh không che sự thật* (Đông Trình, **Vô cùng linh thiêng như nghe theo tiếng gọi**). Cái tôi nhìn thấu vào những sự thật trớ trêu. Trái tim người thầy không đủ sắc lạnh để khỏi nhói buốt trước sự thật tàn nhẫn ấy. Chiến tranh đã tước đi vẻ trong sáng, thuần khiết của những nữ sinh lẽ ra phải có một cuộc đời lành lặn. Tủi nhục, đắng cay dội vào sâu tâm hồn cái tôi trữ tình.

Không chỉ số phận con người mới là đề tài ám ảnh các nhà thơ trẻ. Họ còn tìm chất thơ ngay trong thế giới tự nhiên, ngay trong những vật vô tri vô giác. Thơ trẻ xem những gì quanh con người cũng mang thân phận chiến tranh. Nhà ga tan vỡ, tất cả là cái còn lại tro vơ: *Thôi mất rồi, nhà ga cũ bay đi/ Phố nhỏ ngủ chập chờn khi người tạm vắng/ Im lặng những chồng gạch vụn/ Im lặng những ánh đèn ghi,/ Im lặng những đường ray bên hố bom lở loét/ Im lặng những tán bàng quen thuộc* (Ngô Văn Phú, **Ga**

*quê hương*). Nguyễn Duy, nhà thơ *xin thương mến đến tận cùng chân thật* cũng đã dành một góc riêng cho những cảm xúc đời thường. Tác giả nghe trong thớ đất âm thanh đau buốt: *Đất cựa mình sầm sập trong khuya/ bị chặt làm đôi, đất đau không ngủ được (Khẩu súng trên tay ta)*. Trong khi đó, Lưu Quang Vũ lại dồn tình thương cho từng điều nhỏ nhoi vô tội trước bão lửa chiến tranh, qua cái nhìn rạn vỡ đời tư:

*Bao bài ca xáo trộn trong tôi  
Có tiếng khóc của con chim gãy cánh  
Tiếng đau rên của ngôi nhà đổ sập  
Tiếng con thuyền không về được bờ quen  
Tiếng mưa rơi trên ngọn cỏ yếu mềm...*

*(Tôi chẳng muốn kỉ niệm về tôi là một điệu hát buồn)*

Ngay cả thế giới tuổi thơ của Trần Đăng Khoa cũng thảng thốt trong nỗi buồn mât mât. Tiếng gọi *Vàng ơi* đâu chỉ là nỗi tiếc nhớ một con vật của trẻ thơ mà phải chằng qua hình ảnh thất lạc của *Vàng* là cả nỗi buồn đau của cái tôi về khung cảnh tan tác của chiến tranh: *Nghe bom thẳm Mỹ nổ/ Mây bỏ chạy đi đâu? Ta chờ mây đã lâu/ Cơm phần mây để cửa/ Sao không về hả chó? Tao nhớ mây lắm đó/ Vàng ơi là Vàng ơi... (Sao không về Vàng ơi?)*. Đủ thấy sự tác động ghê gớm của chiến tranh đến từng góc ngách đời sống. Và hiện thực chiến tranh không chỉ là mối bận tâm của riêng của người trong cuộc, những người từng lẫn lộn với chiến trường.

### 3. Kết luận

Thơ trẻ 1965 - 1975 khơi sâu vào vùng cảm xúc rất đẹp của con người, ở đó không chỉ có tình yêu thương mà còn là những thao thiết nguyện cầu. Không chỉ có niềm hạnh phúc xốn xang mà còn là những tan vỡ, rời xa... Độc giả hẳn tìm thấy đằng sau tình yêu nước sâu nặng của những người con trong thời chiến còn hẳn sâu giai điệu xúc cảm đời thường. Cạnh bên cái tôi tự biểu hiện và phân tích chân dung thế hệ về những vấn đề mang ý nghĩa thời sự trong chiều sâu ngẫm ngợi là cái tôi quay vào biểu hiện thế hệ và bản thân trong những ưu tư đời thường.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Đức Mậu, “Thế hệ thơ chống Mỹ”, *Thơ*, (2), 2003, tr 4-5.  
[2]. Tản Hoài Dạ Vũ - Nguyễn Đông Nhật, *Phác thảo chân dung một thế hệ*, Nxb Đà Nẵng, 2007.